

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 3 - 2022

“V/v ly hôn giữa

Ông D và bà H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thúy Phương.

Bà Huỳnh Thị Thê Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân HUYỆN PHÚ T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 03 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2021 về tranh chấp *“Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh D, sinh năm 1972.

HKTT: Ấp Phú Th B, xã Phú L, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Hiện trú tại: Ấp Phú Tr, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982.

Trú tại: Ấp Phú Th B, xã Phú L, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 25/10/2021 nguyên đơn Ông Trần Thanh D trình bày:

Ông D và bà H sau thời gian tìm hiểu và được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống năm 2000, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú L. Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số I ngày 24 tháng 12 năm 2002, thời gian đầu chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn do bà H có lối sống không chung thủy, vợ chồng vì thế hay cãi nhau, Ông D cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm và cũng như cho bà H cơ hội để sửa đổi nhưng bà H vẫn không thay đổi. Năm 2017 bà H bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân trong thời gian ly thân đến nay bà H không điện thoại hay tới lui thăm hỏi hay có ý chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm không còn Ông D yêu cầu ly hôn với bà H

Về con chung: Ông D và bà H có 02 người con chung tên Trần Phương A, sinh ngày 16/10/2000 hiện đã trưởng thành và lao động được và Trần Trâm A, sinh ngày 28/11/2009 con chung hiện đang sống với bà H, khi ly hôn nếu con chung muốn sống với ai thì người đó nuôi, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Ngày 09/2/2022 Ông Trần Thanh D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị H vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân được ông Nguyễn Thành Khiêm là anh ruột bà H cho biết, Hôn nhân của D, H do mai một rồi thành vợ chồng, sau khi cưới thì vợ chồng D sống cùng gia đình ông Khiêm ở Phú Lâm, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Năm 2017 H bỏ nhà đi làm tại Bình Dương, D thì về nhà tại Phú Thành sống, không ai qua lại với ai. Hai con chung của D, H đang sống tại nhà Khiêm do H nuôi dưỡng, do vợ chồng D đã ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay, nên tình cảm không còn, không thể hàn gắn, việc D xin ly hôn tôi thấy hợp lý.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, Tuy nhiên Bà Nguyễn Thị H vắng mặt từ khi được thông báo các văn bản tố tụng, nhưng bà không có mặt là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân của Ông D và bà H được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được. Nên yêu cầu ly hôn của Ông D là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về con chung: Hiện tại đang sống với bà H, bà H vắng mặt, không có ý kiến về cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội Đồng xét xử không xem xét. Đề nghị HĐXX giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H nên quan hệ tranh chấp của vụ án là *“Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ông Trần Thanh D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Bà Nguyễn Thị H được tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông, bà không có mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt ông, bà theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hiện tại Bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại ấp Phú Th B, xã Phú L, huyện Phú T, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú T

, tỉnh An Giang.

[2.] Về nội dung:

Hôn nhân của Ông D và bà H được xác lập năm 2000 trên cơ sở tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét về yêu cầu ly hôn, thấy rằng: Trong thời gian chung sống vợ chồng Ông D, bà H có nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, đời sống tình cảm ngày càng trầm trọng. Năm 2017 bà H bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân bà H không tới lui thăm hỏi chồng và con hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này phù hợp với lời trình bày của ông Nguyễn Thành Khiêm.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp*

đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....”. Thế nhưng vợ chồng Ông D, bà H không còn chung sống khoảng bốn năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho Ông D được ly hôn bà H.

[3] Về con chung: Ông D trình bày vợ chồng có 02 người con chung tên Trần Phương A, sinh ngày 16/10/2000 hiện đã trưởng thành và lao động được và Trần Trâm A, sinh ngày 28/11/2009 con chung chưa thành niên, con chung hiện tại đang sống chung với bà H. Xét thấy từ khi ly thân đến nay con chung Trâm Anh đang sống với bà H, có cuộc sống ổn định, nên tiếp tục giao cháu Trâm Anh cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Bà H không ý kiến trình bày, không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Ông D trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Ông D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

-Điều 19, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

-Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Ông Trần Thanh D được ly hôn với Bà Nguyễn Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số I ngày 24/12/2002 của Ủy ban nhân dân xã Phú L không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên Trần Trâm A, sinh ngày 28/11/2009. Con chung hiện đang sống với bà H.

Ông Trần Thanh D không phải cấp dưỡng cho con.

Việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chưa thành niên không cố định. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không.

Về án phí: Ông Trần Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004084 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Phú T, tỉnh An Giang. Ông D không phải nộp thêm án phí.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông D, bà H vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày tính từ ngày ông, bà nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Phú L, huyện Phú T, tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Thảo

